

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/DS-PT

Ngày 29-8-2017

V/v tranh chấp về đòi lại tài sản
(tiền)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: Ông Võ Minh Tiến

Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2017/TLPT-DS ngày 08 tháng 8 năm 2017 về “*Tranh chấp về đòi lại tài sản (tiền)*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 405/2017/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị H (X) – sinh năm 1968

Địa chỉ cư trú: Thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ trụ sở: Đường L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Ngọc T – Phó giám đốc Ngân hàng A, chi nhánh huyện B (địa chỉ trụ sở làm việc: Đường P, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi), là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 17/8/2017.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Kim O – sinh năm 1965.

2. Anh Bùi Hoài N – sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ cư trú: Thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Bà Phan Thị H (X), là nguyên đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa, bà Phan Thị H, ông Đỗ Ngọc T, bà Nguyễn Thị Kim O, anh Bùi Hoài N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2016, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 30/11/2015, bà Phan Thị H (X) có đến Ngân hàng A, chi nhánh huyện B (viết tắt là Ngân hàng) để thực hiện thủ tục chuyển tiền vào tài khoản, số tiền là 50.000.000 đồng, số tài khoản được chuyển là 4208205001369, chủ tài khoản là bà Nguyễn Thị C tại Ngân hàng A, chi nhánh huyện N, tỉnh Quảng Nam. Sau khi viết giấy chuyển tiền xong, bà H giao giấy chuyển tiền cho cán bộ tín dụng Ngân hàng và được bà Nguyễn Thị Kim O kiểm tra, thu tiền và đóng dấu đã thu tiền, Liên 1 (bản viết tay) Ngân hàng giữ, giao cho bà Liên 2 được viết qua giấy than. Tiếp đến ngày 01/12/2015, bà H tiếp tục đến Ngân hàng thực hiện việc chuyển tiền, số tiền chuyển vẫn là 50.000.000 đồng, số tài khoản và chủ tài khoản vẫn như trên, giấy chuyển tiền đã được cán bộ tín dụng của Ngân hàng kiểm tra, thu tiền và đóng dấu đã thu tiền và giao lại cho bà H Liên 2 Giấy chuyển tiền viết qua giấy than. Sau hai lần chuyển tiền, bà H nghĩ rằng bà C đã nhận đủ số tiền mà bà H đã chuyển, vì bận nhiều việc nên bà không kiểm tra bà C đã nhận đủ số tiền bà đã chuyển trong hai lần hay chưa. Đến khoảng hơn một tháng sau, bà H và bà C tiến hành kiểm tra, đối chiếu việc mua bán và thanh toán tiền thì phát hiện không có số tiền 50.000.000 đồng mà bà đã chuyển vào tài khoản của bà C vào ngày 01/12/2015. Sau đó, bà và bà C cùng đến Ngân hàng chi nhánh N kiểm tra thì tài khoản của bà C chỉ nhận được tiền trong lần chuyển vào ngày 30/11/2015, lần chuyển tiền ngày 01/12/2015 thì tài khoản bà C không nhận. Sau đó bà đến Ngân hàng để hỏi việc bà có chuyển tiền vào tài khoản bà C trong ngày 01/12/2015 nhưng tại sao tài khoản bà C không nhận được. Lúc này, anh Bùi Hoài N là nhân viên kế toán kiểm tra máy tính và giấy chuyển tiền thì chỉ có biên lai chuyển tiền của bà H ghi ngày 30/11/2015 (biên lai này không có chỉnh sửa ngày), còn biên lai chuyển tiền ngày 01/12/2015 thì không có. Ngày hôm sau, bà mang biên lai chuyển tiền ngày 01/12/2015 (Liên 2 khách hàng giữ) vào gặp ông N, ông N yêu cầu gửi lại biên lai để bà O kiểm tra. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, bà O gọi điện cho bà yêu cầu đến Ngân hàng để làm việc. Tại đây, bà O nói với bà rằng “*chị viết nhầm ngày tháng*”, bà O tự ý lấy biên lai Liên 1 (đang lưu giữ tại Ngân hàng) ghi ngày 30/11/2015 sửa lại thành ngày 01/12/2015 trong khi chưa có sự kiểm tra, đối chiếu về ngày chuyển tiền giữa các biên lai trong lần chuyển tiền vào ngày 01/12/2015. Việc bà có chuyển tiền vào tài khoản của bà C vào ngày 30/11/2015 và ngày 01/12/2015, có phiếu chuyển tiền, có ký tên và đóng dấu đã thu tiền nhưng bà C chỉ nhận được tiền trong lần chuyển vào ngày 30/11/2015, còn lần chuyển vào ngày 01/12/2015 thì không có. Việc bà C không nhận được tiền là do sự thiếu trách nhiệm của Ngân hàng dẫn đến việc bà bị mất số tiền 50.000.000 đồng. Chứng từ gốc do Ngân hàng lưu trữ và bà O tự ý sửa ngày giao dịch, đổ lỗi cho bà là nhầm

trốn tránh trách nhiệm, chiếm đoạt tài sản của bà. Do vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ngân hàng có nghĩa vụ phải hoàn trả lại cho bà số tiền là 50.000.000 đồng mà bà đã chuyển vào ngày 01/12/2015. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, bà còn yêu cầu Ngân hàng phải trả thêm cho bà các khoản chi phí đi lại, chi phí giám định tổng cộng 15.000.000 đồng, tuy nhiên, sau đó bà rút yêu cầu này.

Tại văn bản trình bày ý kiến, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Ngày 30/11/2015, bà Phan Thị H có đến Ngân hàng để chuyển tiền, giao dịch viên đưa cho bà H giấy nộp tiền vào tài khoản (giấy nộp tiền gồm có hai liên gắn liền vào nhau), giấy nộp tiền do bà H trực tiếp ghi thông tin chuyển tiền (ngày tháng năm trên chứng từ, tên người chuyển, tên người nhận, số tài khoản, số tiền bằng số, số tiền bằng chữ, nội dung chuyển), sau khi bà H ghi xong thì nộp tiền và chứng từ vào cho bà Nguyễn Thị Kim O (thủ quỹ) thu tiền. Bà O thu xong số tiền chuyển, rồi ký, đóng dấu đã thu tiền vào chứng từ chuyển và chuyển bộ chứng từ cho kế toán Bùi Hoài N, anh N ký chứng từ Liên 2 trả cho khách hàng nhưng chưa kiểm tra ngày tháng năm trên chứng từ. Tiếp đó, anh N hạch toán vào máy tính thì phát hiện ngày ghi trên chứng từ không khớp với ngày giao dịch hiện tại (trên chứng từ ghi ngày 01/12/2015 nhưng ngày giao dịch là ngày 30/11/2015). Do đó, anh N đã sửa ngày, tháng trên chứng từ cho đúng với ngày giao dịch trên Liên 01 (sửa ngày 01/12/2015 thành ngày 30/11/2015) mà không thông báo cho bà H biết việc bà ghi sai ngày, tháng trên chứng từ. Ngày 11/01/2016, bà H đến khiếu nại là bà có chuyển tiền ngày 01/12/2015 nhưng tài khoản của bà C không nhận được, giao dịch viên đã giải thích cho bà H là bà có đến Ngân hàng chuyển tiền vào ngày 30/11/2015 nhưng trên chứng từ, bà ghi là ngày 01/12/2015 nên Ngân hàng đã sửa lại ngày trên chứng từ cho đúng với ngày giao dịch thực tế, sau đó bà H ra về. Ngày 15/01/2016, bà H đến nói là chuyển 02 lần, gồm ngày 30/11/2015 và ngày 01/12/2015, mỗi lần chuyển là số tiền là 50.000.000 đồng vào tài khoản bà C nhưng bà C chỉ nhận được tiền một lần, Ngân hàng đã mời bà H làm việc, đã giải thích cụ thể cho bà H là bà chỉ có chuyển một lần nhưng chứng từ chuyển tiền ghi sai ngày, giải thích cho bà H là cần yêu cầu cơ quan chức năng giám định chứng từ Liên 1 của Ngân hàng có sửa ngày 30/11/2015 và Liên 2 chứng từ khách hàng ghi ngày 01/12/2015 là 01 chứng từ thì bà H đồng ý. Tuy nhiên, sau đó bà H không yêu cầu giám định mà khởi kiện đến Tòa án. Việc bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ngân hàng trả lại tiền cho bà đã chuyển ngày 01/12/2015 thì Ngân hàng không đồng ý. Thực tế, bà H chỉ đến Ngân hàng chuyển tiền một lần vào ngày 30/11/2015, số tiền chuyển là 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, chứng từ do bà H viết ghi sai ngày (chuyển tiền ngày 30/11/2015 nhưng chứng từ ghi ngày 01/12/2015) nên Ngân hàng đã sửa lại cho đúng với ngày giao dịch thực tế. Bà H cho rằng bà đã chuyển tiền hai lần như nêu trên nhưng bà không cung cấp chứng từ thể hiện bà đã chuyển tiền hai lần. Theo kết quả giám định chữ viết, chữ ký và các nội dung khác trong Liên 1 do Ngân hàng lưu giữ và Liên 2 bà H giữ là một nội dung, các chứng từ lưu trữ tại Ngân hàng

cũng thể hiện bà H chỉ chuyển tiền tại Ngân hàng 01 lần vào ngày 30/11/2015, không có chuyển tiền vào ngày 01/12/2015. Do đó, Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu của bà H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2017, người làm chứng ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị C trình bày:

Vợ chồng ông bà với bà Phan Thị H có quan hệ mua bán đậu phụng giống từ năm 2000 đến khi có xảy ra việc tranh chấp thì chấm dứt. Việc mua bán diễn ra theo hình thức bà H cần hàng sẽ gọi điện thoại đặt hàng, vợ chồng ông bà gửi hàng cho bà H. Việc thanh toán được thực hiện lần mua hàng sau trả tiền cho lần mua hàng trước, mỗi tuần thanh toán một lần, vợ chồng ông bà cho người vào nhận tiền trực tiếp từ bà H. Tuy nhiên, cũng có hai lần bà H thực hiện việc thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, cụ thể: ngày 24/11/2015, bà H chuyển vào tài khoản bà C tại Ngân hàng N số tiền 40.000.000 đồng, lần thứ hai chuyển vào ngày 30/11/2015, số tiền bà H chuyển là 50.000.000 đồng. Ngoài hai lần thanh toán này thì không có lần nào thanh toán bằng hình thức chuyển khoản nào khác. Đối với lần chuyển tiền vào ngày 01/12/2015 như bà H trình bày, thì tài khoản bà C không nhận được. Từ ngày giữa hai bên mua bán với nhau, việc thực hiện thanh toán mỗi tuần một lần, chưa có trường hợp nào bà H trả tiền hai lần liên tiếp trong một tuần. Sau khi bà H chuyển tiền vào ngày 30/11/2015, đến ngày 04/12/2015, vợ chồng ông bà tiếp tục gửi hàng cho bà H, giữa hai bên có đối chiếu, chốt nợ. Theo đó, số tiền nợ tính đến ngày 30/11/2015 là 118.680.000 đồng, đến ngày 04/12/2015 phát sinh thêm 57.207.000 đồng, tổng cộng số tiền còn nợ chốt đến ngày 04/12/2015 là 169.950.000 đồng. Ngày 05/12/2015, bà H thanh toán 50.000.000 đồng, còn lại 119.950.000 đồng. Vợ chồng ông bà xác nhận ngày 30/11/2015, bà H có thanh toán tiền mua đậu phụng giống bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản bà C với số tiền là 50.000.000 đồng. Đối với lần chuyển tiền vào ngày 01/12/2015 thì tài khoản của bà C không nhận được và vợ chồng ông bà xác nhận bà H không có chuyển tiền vào ngày 01/12/2015. Việc bà H khởi kiện yêu cầu Ngân hàng hoàn trả số tiền 50.000.000 đồng mà bà H cho rằng Ngân hàng làm thất lạc là do bà H căn cứ vào giấy nộp tiền Liên 2 bà ghi ngày 01/12/2015 và Ngân hàng tự ý sửa, thực tế bà H chỉ chuyển tiền vào ngày 30/11/2015, không có lần chuyển tiền vào ngày 01/12/2015 như bà H trình bày. Vợ chồng ông bà đã nhiều lần giải thích việc bà H khởi kiện là không có căn cứ nhưng bà H không nghe.

Tại văn bản trình bày ý kiến, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, những người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim O, anh Bùi Hoài N trình bày:

Vào ngày 30/11/2015, bà Phan Thị H có đến Ngân hàng để chuyển tiền, bà H ghi vào giấy nộp tiền những thông tin theo mẫu do Ngân hàng phát hành. Sau khi bà H ghi thông tin vào giao tiền với số tiền là 50.000.000 đồng thì bà Nguyễn Thị Kim O nhận tiền, kiểm tra giấy nộp tiền, ký tên và chuyển chứng từ cho anh N kiểm tra, ký tên và trả Liên 2 giấy nộp tiền cho bà H. Tuy nhiên, khi kiểm tra giấy nộp tiền đã không phát hiện việc bà H ghi nhầm ngày giao dịch. Đến cuối ngày, khi hoạch toán vào máy thì phát hiện Liên 1 giấy nộp tiền của bà H ghi ngày 01/12/2015, nên anh N đã sửa giấy nộp tiền từ ngày 01/12/2015

thành ngày 30/11/2015 để phù hợp với ngày giao dịch thực tế, nhưng không báo cho bà H biết việc giấy nộp tiền ghi sai ngày. Đến ngày 11/01/2016, bà H đến Ngân hàng khiếu nại việc bà có chuyển tiền vào tài khoản bà C hai lần vào các ngày 30/11/2015 và ngày 01/12/2015, nhưng tài khoản bà C không nhận được tiền vào ngày 01/12/2015, bà H cho rằng Ngân hàng làm mất số tiền bà đã chuyển vào tài khoản bà C trong lần chuyển tiền ngày 01/12/2015. Ngân hàng đã tiến hành kiểm tra, đối chiếu toàn bộ sổ sách, chứng từ, liệt kê các giao dịch trong các ngày 30/11/2015 và ngày 01/12/2015, chỉ có lần chuyển tiền vào ngày 30/11/2015 mà không có lần chuyển tiền vào ngày 01/12/2015. Anh N xác nhận anh là người sửa ngày 01/12/2015 thành ngày 30/11/2015 trên giấy nộp tiền liên lưu trữ tại Ngân hàng, Liên 2 viết qua giấy than do bà H giữ thì không chỉnh sửa. Bà O, anh N khẳng định bà H chỉ chuyển tiền một lần vào ngày 30/11/2015, không có lần chuyển tiền trong ngày 01/12/2015. Giấy nộp tiền do bà H tự ghi nhưng bà ghi nhầm ngày nên anh N có sửa lại cho đúng với ngày giao dịch thực tế.

Bản án dân sự số 06/2017/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B quyết định:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị H về yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng A trả lại số tiền 50.000.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.500.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền 1.250.000 đồng mà bà đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0000728 ngày 05/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, còn lại bà phải nộp 1.250.000 đồng.

3. Chi phí trưng cầu giám định: Nguyên đơn bà Phan Thị H phải chịu 5.000.000 đồng. Bị đơn Ngân hàng A đã nộp tạm ứng. Buộc bà Phan Thị H phải hoàn trả cho Ngân hàng A 5.000.000 đồng.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo.

Ngày 10/7/2017, nguyên đơn bà Phan Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H, buộc Ngân hàng A phải chịu án phí và chi phí giám định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa bà H khai, buổi chiều các ngày 30/11/2015 và ngày 01/12/2015 bà chuyển tiền cho bà C, tối đến bà gọi điện thoại báo cho bà C biết việc bà chuyển trả mỗi ngày 50.000.000 đồng; bà C đã trả lời là “Ừ”, nhưng theo trình bày của vợ chồng bà C, ông Tánh tại Biên bản đối chất ngày 13/3/2017 thì “bà H phải báo cho bà C biết việc bà chuyển tiền...trường hợp này bà H không báo” và “điện thoại bà C có cài đặt dịch vụ thông báo số dư tài khoản, tuy nhiên tài khoản bà C không nhận được tin nhắn báo việc bà H

chuyển tiền ngày 01/12/2015”. Đồng thời, theo sổ sách đối chiếu việc mua bán, nợ tiền, trả tiền giữa vợ chồng bà C với bà H, mà vợ chồng bà C nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm thì thấy, ngày 24/10 (Âm lịch) tức ngày 05/12/2015 (Dương lịch) sau ngày bà H trả cho bà C 100.000.000 đồng, bản thân bà H chỉ đối chiếu trừ nợ với bà C 50.000.000 đồng của ngày chuyển 30/11/2015 (Dương lịch), bà H xác nhận còn nợ bà C 119.950.000 đồng; đến ngày 16/11/2015 (Âm lịch) tức ngày 26/12/2015 (Dương lịch), bà H vẫn xác nhận nợ bà C 173.280.000 đồng; ngày 23/11/2015 (Âm lịch) tức ngày 02/01/2016 (Dương lịch), bà H vẫn xác nhận nợ bà C 168.887.000 đồng; đến ngày 30/11/2015 (Âm lịch) tức ngày 09/01/2016 (Dương lịch) bà H vẫn xác nhận nợ bà C 200.950.000 đồng, bà H, bà C không nhắc đến việc trừ số tiền chuyển ngày 01/12/2015 (Dương lịch) là 50.000.000 đồng. Mặt khác, bà H không nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh là Liên 2 của giấy nộp tiền ngày 30/11/2015. Kết luận giám định của Viện khoa học hình sự Bộ Công an – Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận chữ viết tại mục ““Ngày 30/11/2015” đã bị sửa chữa lại, nội dung chữ viết nguyên thủy trước khi sửa chữa là “1/12/2015”” và “đặc điểm, kích thước chữ viết, chữ số tại các mục tương ứng với nhau”. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định bà H không có nộp tiền chuyển trả cho bà C vào ngày 01/12/2015, bà H chỉ trả tiền bằng hình thức chuyển khoản vào ngày 30/11/2015, nhưng do bà H ghi sai ngày nên nhân viên ngân hàng đã sửa ngày bà H ghi là 1/12/2015 thành 30/11/2015. Việc sửa ngày nhưng không thông báo cho bà H biết là việc làm sai quy định của nhân viên ngân hàng, nhưng không vì việc sửa ngày, tháng này để buộc Ngân hàng A trả cho bà H 50.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bà Phan Thị H kháng cáo yêu cầu Ngân hàng A (viết tắt là Ngân hàng) phải trả số tiền chi phí trưng cầu giám định cho bà, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2016 bà H không có yêu cầu Ngân hàng trả chi phí trưng cầu giám định; đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm, bà H cũng không yêu cầu (Bút lục 195). Căn cứ quy định tại điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét chi phí giám định của bà H là đúng pháp luật. Mặt khác, theo Công văn số 284/C54 ngày 13/5/2016 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an – Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, thì ngày 09/5/2016 bà H tự yêu cầu trưng cầu giám định, như vậy chi phí giám định này không phải là chi phí tố tụng vì Tòa án chưa thụ lý vụ án, quá trình tố tụng tại Tòa án chưa xảy ra. Do đó, căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà H.

[2] Đối với Liên 2 của Giấy nộp tiền ngày 30/11/2015, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tuy bà H không có tài liệu chứng minh có việc nộp tiền vào ngày

30/11/2015 (Liên 2 Giấy nộp tiền), nhưng bà Nguyễn Thị C và Ngân hàng A – chi nhánh huyện N, tỉnh Quảng Nam xác nhận đã nhận tiền của bà H chuyển vào tài khoản bà C ngày 30/11/2015. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà H không phải chứng minh bằng tài liệu, chứng cứ là Liên 2 Giấy nộp tiền ngày 30/11/2015.

[3] Ngày 01/12/2015, bà H đến tại Ngân hàng A, chi nhánh huyện B, nộp số tiền 50.000.000 đồng để chuyển vào tài khoản của bà C, nhằm mục đích trả tiền hàng còn nợ. Ngân hàng đã nhận đủ tiền nhưng không thực hiện việc chuyển tiền vào tài khoản của bà C, nên bà H yêu cầu Ngân hàng phải hoàn trả lại số tiền nêu trên cho bà là có căn cứ, vì Liên 2 của Giấy nộp tiền ngày 01/12/2015 đã thể hiện bà H có nộp tiền.

Vợ chồng ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị C xác nhận vợ chồng ông, bà không nhận được số tiền bà H trả vào ngày 01/12/2015. Theo Kết luận giám định số 625/C54C(Đ2) ngày 25/10/2016 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an – Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, đã xác định “Đối với Liên 1: Ngân hàng, chữ viết tại mục “30/11/2015” đã bị sửa chữa lại, nội dung chữ viết nguyên thủy trước khi sửa chữa là “1/12/15”” và “Chữ viết trực tiếp trên Liên 1 và chữ viết qua giấy than trên Liên 2 (Trừ chữ số “685” tại mục “Số CMT/Hộ chiếu” ở Liên 2) chồng khớp với nhau về vị trí, khoảng cách giữa các từ, các chữ và giữa các dòng tương ứng với nhau là giống nhau” (Bút lục 91). Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bà H có nộp tiền vào Ngân hàng ngày 01/12/2015 để trả cho vợ chồng bà C, ông Tánh. Ngân hàng A tự ý sửa chữa chứng từ giao dịch mà không thông báo cho khách hàng, đây là lỗi thuộc về Ngân hàng, do đó Ngân hàng phải có trách nhiệm trả lại cho bà Phan Thị H 50.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo này của bà H.

Do chấp nhận nội dung kháng cáo nêu trên của bà H, nên Ngân hàng A phải chịu 5.000.000 đồng chi phí trung cầu giám định (*Ngân hàng đã tạm ứng 5.000.000 đồng và chi phí xong*).

[4] Xét nội dung kháng cáo buộc Ngân hàng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Do buộc Ngân hàng phải trả lại cho bà H 50.000.000 đồng, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, Ngân hàng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng.

Hoàn trả cho bà H 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà H đã nộp.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà H, sửa Bản án dân sự sơ thẩm.

[6] Do sửa Bản án dân sự sơ thẩm, nên bà H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho bà H tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa không giống với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 161, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Phan Thị H;

- Không chấp nhận phần nội dung kháng cáo yêu cầu Ngân hàng A phải trả cho bà Phan Thị H chi phí giám định ra công văn số 284/C54 ngày 13/5/2016 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an – Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H. Buộc Ngân hàng A phải trả lại số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) cho bà Phan Thị H.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng A phải chịu 2.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm,

Hoàn trả cho bà Phan Thị H 1.250.000 đồng (*Một triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu số AA/2014/0000728 ngày 05/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Phan Thị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số AA/2014/0002282 ngày 13/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Chi phí trưng cầu giám định: Ngân hàng A phải chịu 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) chi phí trưng cầu giám định (*Ngân hàng đã nộp và chi phí xong*).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện B;
- TAND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Phạm Thị Thu Phương